

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D15XDDB

TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN KỸ THUẬT LG CÔNG TR?NH DD & CN HỌC KỲ 4
M? H ỌC PHẦN : CIE - 432 TÍNH CHỈ 1

Ngày thi: 30/11/2011 LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
1	152210062	ĐẶNG NGỌC MINH	TRỰC	D15XDDB	0		0						HP	0.0	Khăng		
2	152211699	NGUYỄN VĂN	ĐƯỢC	D15XDDB	4		4.5						2	0.0	Khăng		
3	152211700	NGUYỄN THÁI	LAI	D15XDDB	4		4.5						2	0.0	Khăng		
4	152211702	PHẠM VĂN	CHUNG	D15XDDB	8		7						6	6.6	Sầu pháy Sầu		
5	152211703	BÙI SĨ	NGUYỄN	D15XDDB	0		0						HP	0.0	Khăng		
6	152211705	NGUYỄN	QU?	D15XDDB	8		7						6	6.6	Sầu pháy Sầu		
7	152211707	PHẠM VĂN	THOẠI	D15XDDB	1		1						V	0.0	Khăng		
8	152211709	NGUYỄN PHONG	NHÀN	D15XDDB	6		5.5						HP	0.0	Khăng		
9	152211710	V? Đ?NH	LỆ	D15XDDB	0		0						HP	0.0	Khăng		
10	152211711	NGUYỄN DUY	HÂN	D15XDDB	1		1						V	0.0	Khăng		
11	152211712	NGUYỄN CÔNG	KHOA	D15XDDB	8		6.5						2	0.0	Khăng		
12	152211713	TRẦN ĐĂNG	HIẾU	D15XDDB	8		6						5	5.8	Nằm pháy Tầm		
13	152211715	NGUYỄN NGỌC	HÙNG	D15XDDB	0		0						HP	0.0	Khăng		
14	152211717	LÊ VĂN	QUỐC	D15XDDB	6		5.5						2	0.0	Khăng		
15	152211718	ĐÌNH NHƯ	HUẤN	D15XDDB	8		6.5						6	6.5	Sầu pháy Nằm		
16	152211719	LÊ THANH	THẢO	D15XDDB	8		7						6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
17	152211720	PHẠM HỮU	T?NH	D15XDDB	4		4.5						2	0.0	Khăng		
18	152211721	NGUYỄN XUÂN	TRIỀU	D15XDDB	6		5.5						6	5.9	Nằm pháy Chèn		
19	152211723	PHAN TRƯỜNG	SƠN	D15XDDB	8		7						6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
20	152211724	LÊ TÂN	SĨ	D15XDDB	6		5.5						2	0.0	Khăng		
21	152211725	ĐẶNG XUÂN	NHẬT	D15XDDB	0		0						HP	0.0	Khăng		
22	152211728	TRƯƠNG QUANG	B?NH	D15XDDB	8		7						2	0.0	Khăng		
23	152211729	NGUYỄN VĂN	ĐÁCH	D15XDDB	7.5		7						5	6.0	Sầu		
24	152211730	PHAN THỨC	KHOA	D15XDDB	8		7						2	0.0	Khăng		
25	152211731	LÊ MINH	TIẾN	D15XDDB	8		6.5						6.5	6.7	Sầu pháy Báy		
26	152211732	ĐẶNG Đ?NH	DỪNG	D15XDDB	10		8						7	7.8	Báy pháy Tầm		
27	152211733	VƯƠNG HIỆP	THÁI	D15XDDB	7.5		7						2	0.0	Khăng		
28	152211734	NGUYỄN PHƯỚC	HẠNH	D15XDDB	8		7						6	6.6	Sầu pháy Sầu		
29	152211736	TRẦN CÔNG	QUYỀN	D15XDDB	2		2						V	0.0	Khăng		
30	152211737	NGUYỄN VĂN	THÀNH	D15XDDB	5.5		6						5	5.4	Nằm pháy Bấu		
31	152211738	V? HOÀI	PHA	D15XDDB	8		7						5	6.1	Sầu pháy Mất		
32	152211739	PHẠM	TRUY	D15XDDB	1		1						V	0.0	Khăng		
33	152211740	PHẠM VĂN	HIẾU	D15XDDB	8		6.5						5	5.9	Nằm pháy Chèn		
34	152211741	LÊ BẢO	THY	D15XDDB	6		6						2	0.0	Khăng		
35	152211742	NGUYỄN QUANG	SINH	D15XDDB	10		8						7.5	8.0	Tầm		
36	152211743	NGUYỄN THỂ	TRUYỀN	D15XDDB	4		4.5						V	0.0	Khăng		
37	152211745	NGUYỄN VĂN	HÙNG	D15XDDB	6		5.5						V	0.0	Khăng		
38	152211746	BÙI VĂN	TOÀN	D15XDDB	8		7						7	7.2	Báy pháy Hai		
39	152211747	LÊ TRUNG THANH	B?NH	D15XDDB	8		7						6	6.6	Sầu pháy Sầu		
40	152211748	TRẦN VĂN	THANH	D15XDDB	8		7						6	6.6	Sầu pháy Sầu		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	152211749	TRẦN Đ?NH	HÓA	D15XDDB	4		4.5						V	0.0	Khăng		
42	152211750	HỒ CẨM	NHUNG	D15XDDB	8		7						6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
43	152211751	NGUYỄN	HUÔNG	D15XDDB	6		5.5						2	0.0	Khăng		
44	152211752	PHAN QUỐC	CÔNG	D15XDDB	8		6.5						6	6.5	Sầu pháy Nàm		
45	152211753	ĐẶNG VĂN	MẶN	D15XDDB	10		7						6.5	7.2	Báy pháy Hai		
46	152211754	LÊ	THẢO	D15XDDB	10		7.5						7	7.6	Báy pháy Sầu		
47	152211755	NGUYỄN VĂN	NHỊ	D15XDDB	4		4.5						HP	0.0	Khăng		
48	152211756	NGUYỄN BÁ	DỮNG	D15XDDB	8		7						6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
49	152211757	NGUYỄN ĐỨC	DỮNG	D15XDDB	1		1						V	0.0	Khăng		
50	152211758	NGUYỄN THỊ XUÂN	THU	D15XDDB	8		7.5						7	7.3	Báy pháy Ba		
51	152211759	HỒ VĂN	NGUYỄN	D15XDDB	0		0						HP	0.0	Khăng		
52	152211760	NGUYỄN TẤN	HUY	D15XDDB	8		7						7	7.2	Báy pháy Hai		
53	152211761	TRẦN THANH	TUẤN	D15XDDB	8		7.5						6.5	7.0	Báy		
54	152211763	NGUYỄN VĂN	CHUNG	D15XDDB	8		7						6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
55	152211764	LÊ VIỆT	LUÂN	D15XDDB	8		7						6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
56	152210122	ĐOÀN NGUYỄN	NHẬT	D15XDDB	0		0						V	0.0	Khăng		
1	0007	HUỲNH NGỌC	ĐỨC	D15XDD	10		7						6	6.9	Sầu pháy Chèn		
2	0024	ĐỖ QUỐC	HÙNG	D15XDD	8		7						6	6.6	Sầu pháy Sầu		
3	0050	TRẦN ĐỨC	ANH	D15XDD	2		2						V	0.0	Khăng		
4	0053	TRẦN VĂN	LAI	D15XDD	8		6						5	5.8	Nàm pháy Tằm		
5	0110	V? Đ?NH	CỦ	D15XDD	5		5						5	5.0	Nàm		
6	0148	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	D15XDD	10		7						6	6.9	Sầu pháy Chèn		
7	0279	NGUYỄN TẤN	PHÁT	K11XD	8		6						5.5	6.0	Sầu		
8	0292	HUỲNH PHAN	QUỐC	K11XD	6		5.5						5	5.0	Nàm		
9	0340	TRẦN THANH	TUẤN	K11XD	6		5.5						5	5.0	Nàm		
10	0249	NGUYỄN MẠNH	DỮNG	K13XDD	8		6						6	6.3	Sầu pháy Ba		
11	0274	NGUYỄN DUY	NHÂN	K13XDD	8		6						5	5.8	Nàm pháy Tằm		
12	0320	LƯU VĂN	THUẬN	K13XDD	1		1						V	0.0	Khăng		
13	4586	TRẦN DUY	TRINH	K13XDD	8		6						5	5.8	Nàm pháy Tằm		
14	4621	Đ? ANH	VŨ	K13XDD	1		1						V	0.0	Khăng		
15	0160	NGUYỄN KÔNG	CHÁNH	T14XDD	10		7						6	6.9	Sầu pháy Chèn		
16	0205	TRẦN NGỌC	KHÁNH	T14XDD	8		7						5	6.1	Sầu pháy Mất		
17	0253	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	T14XDD	8		6						5	5.8	Nàm pháy Tằm		
18	0288	LÊ PHƯỚC	VĨNH	T14XDD	8		7						5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
19	0238	NGUYỄN VĂN	KHOA	K11XD	8		6						5	6.0	Sầu		
20	4555	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	K13XDD	8		6						5	5.8	Nàm pháy Tằm		
21	0012	PHAN MINH	TÍN	D15XDD	6		5.5						5	5.3	Nàm pháy Ba		
22	0116	TRẦN TRUNG	DỮNG	D15XDD	6		5						5	5.2	Nàm pháy Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	47	60%	
2	Số sinh viên nợ	31	40%	
TỔNG CỘNG :		78	100%	

